

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi,  
chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Hải Dương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 44/TTr-SYT ngày 24 tháng 4 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Hải Dương, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: Chi tiết có Phụ lục I đính kèm. Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 5125/QĐ-BYT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2510/QĐ-BYT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

2. Danh mục thủ tục hành chính công bố bãi bỏ: Chi tiết có phụ lục II đính kèm bãi bỏ 10 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế.

**Điều 2.** Sở Y tế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công khai, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và chuyên trang cải cách thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HN*

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHC



Nguyễn Dương Thái



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ HẢI DƯƠNG**  
(Kèm theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO</b>					
1	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố.	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 42 Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	- Nghị định số <u>111/2017/NĐ-CP</u> ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
<b>II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG</b>					
1	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản	07 (bảy) ngày làm việc	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ: Số 20 phố Bắc	1.500.000/ 1 sản phẩm	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		Kính, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Công văn số 686/UBND-VP ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.</li> </ul>
2	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 (bảy) ngày làm việc	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ: Số 20 phố Bắc Kinh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	1.500.000/1 sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;</li> <li>- Công văn số 686/UBND-VP ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 (mười) ngày làm việc	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, địa chỉ: Số 20 phố Bắc Kinh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	1.200.000/lần/1 sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;</li> <li>- Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Quảng cáo;</li> <li>- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					phẩm; - Công văn số 686/UBND-VP ngày 13/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
4	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	03 (ba) ngày làm việc	Cơ quan kiểm tra nhà nước được Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Công Thương giao hoặc chỉ định	1.500.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 đồng), tối đa 10.000.000 đồng/lô hàng	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;
5	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	07 (bảy) ngày làm việc	Cơ quan kiểm tra nhà nước được Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.500.000 đồng/lô hàng + (số mặt hàng x 100.000 đồng), tối đa	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			hoặc Bộ Công Thương giao hoặc chi định	10.000.000 đồng/lô hàng	phẩm;

### III. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I	- Khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK thuyền viên;	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	120.000đ (không kể xét nghiệm, X quang)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.</li> <li>- Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định</li> </ul>
---	---	---	--------------------------------	---	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		<p>- Khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng: theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.</p>			<p>giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tình quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương.</p>
2	<p>Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II</p>	<p>- Khám sức khỏe thuyền viên đơn lẻ: trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc khám sức khỏe thuyền viên, trừ trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện</p>	<p>Các cơ sở khám chữa bệnh</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		KSK thuyền viên; - Khám sức khỏe thuyền viên tập thể theo hợp đồng; theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.			
3	Khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Theo thỏa thuận trong hợp đồng	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Theo hợp đồng ký kết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					khỏe cho thuyền viên.
4	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Y tế tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 42 Quang Trung thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</li> <li>- Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe.</li> <li>- Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.</li> </ul>

**Phụ lục II:**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH HẢI DƯƠNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)*



**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I. LĨNH VỰC KHÁM CHỮA BỆNH</b>			
1		Thủ tục công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành đào tạo khối ngành sức khỏe đối với cơ sở KCB thuộc Sở Y tế và cơ sở KCB tư nhân	- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo, thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.
<b>II. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b>			
1		Thủ tục cấp giấy tiếp nhận bản Công bố hợp quy (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
2		Thủ tục cấp giấy xác nhận Công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
3		Thủ tục Cấp lại giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
4		Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
5		Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
6		Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo (Trong trường hợp giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
7		Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo (Trong trường hợp giấy xác nhận hết hiệu lực sử dụng quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 23 của Thông tư 09/2015/TT/BYT và không có thay đổi về nội dung quảng cáo)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
8		Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo (Trong trường hợp giấy xác nhận còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm
9		Thủ tục cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo (Trong trường hợp giấy xác nhận hết hiệu lực và có thay đổi, bổ sung nội dung quảng cáo)	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm